

## ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN AUN-QA

Vương Kim Thành

Trường Đại học Quảng Bình  
Email: [vuongthanhqb@gmail.com](mailto:vuongthanhqb@gmail.com)

### Article history

Received: 12/7/2022

Accepted: 29/8/2022

Published: 05/10/2022

### Keywords

Management, quality management, primary school teacher training, AUN-QA

### ABSTRACT

Vietnam is in the period of accelerating industrialization, modernization and international integration, education and training are directly related to the task of preparing human resources, especially high-quality human resources to accomplish the set goals. In that context, the quality management of teacher training using the AUN-AQ approach is a very important and necessary insight for higher education institutions, contributing to improving training quality and international integration. However, the quality management of teacher training in general and primary school teacher training in particular in pedagogical colleges/universities currently has not been given due attention, and effective solutions are needed to provide high-quality training for primary school teachers to meet societal needs. This study focuses on analyzing and assessing the current situation, thereby proposing some solutions to contribute to the innovation of training quality management for primary school teachers according to the AUN-QA approach. The proposed solutions need to be promptly tested to prove its effectiveness.

## 1. Mở đầu

Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT. Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp GD-ĐT theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển KT-XH, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với sự bùng nổ của Cuộc cách mạng 4.0 đã tác động đến giáo dục Việt Nam, tạo nhiều thời cơ và thách thức đan xen, từ nhu cầu đào tạo đáp ứng về số lượng, chất lượng, tính hiệu quả của lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu xã hội.

Quản lý chất lượng đào tạo giáo viên tiểu học (GVTH) theo AUN-QA (ASEAN University Network - Quality Assurance) là một cách tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế về đảm bảo chất lượng và phù hợp với trình độ các trường đại học Việt Nam vì đó là lựa chọn tốt nhất với các chuẩn mực quốc tế tối thiểu; là mục tiêu mà nhiều trường đại học tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á cần hướng tới nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Vận dụng tiêu chuẩn AUN-QA trong quản lý chất lượng đào tạo GVTH không chỉ đem lại lợi ích cho nhà trường, sinh viên (SV) mà cả người sử dụng lao động. Kết quả kiểm định chất lượng đào tạo theo chuẩn AUN-QA là khẳng định chất lượng nhà trường đạt chuẩn đào tạo khu vực và quốc tế. Để thực hiện sứ mệnh và tiếp tục khẳng định vị thế, chất lượng của mình trong xu thế hội nhập, các trường/khoa đại học sư phạm cần phải thực hiện hiệu quả các biện pháp quản lý chất lượng đào tạo GV theo tiếp cận chuẩn kiểm định chất lượng AUN-QA.

Trên cơ sở một số khái niệm công cụ, khái quát thực trạng vấn đề, bài báo đề xuất một số giải pháp quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở đề xuất giải pháp

#### 2.1.1. Cơ sở lý luận

Các giải pháp được đề xuất trong nghiên cứu này dựa trên một số khái niệm lý luận sau:

+ *Chất lượng đào tạo GVTH*: Nguyễn Minh Đường và Phan Văn Kha (2006) cho rằng: chất lượng đào tạo là mức độ đạt được so với mục tiêu đào tạo được đề ra nhằm thỏa mãn yêu cầu của khách hàng. Phạm Lê Cường (2016) cho rằng, chất lượng giáo dục đại học là sự phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. Vậy, có thể hiểu, chất lượng đào tạo GVTH là sự phù hợp với mục tiêu đào tạo của GVTH. Mục tiêu đào tạo GVTH là đào tạo đội ngũ GVTH nhằm đáp ứng những nhu cầu đổi mới giáo dục tiểu học trong thời kì CNH, HĐH đất nước.

+ *Quản lý chất lượng đào tạo GVTH*: Là hệ thống tác động có mục đích, có tổ chức nhằm hình thành và phát triển những năng lực cho SV ngành Giáo dục tiểu học thông qua các hoạt động giảng dạy và học tập gắn với việc giáo dục đạo đức, nhân cách người học đáp ứng yêu cầu nhân lực của thị trường lao động (Phan Hùng Thu, 2019).

+ *Mô hình quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA*: AUN-QA là mạng lưới chuyên trách về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của mạng lưới các trường đại học hàng đầu khu vực Đông Nam Á, được thành lập với nhiệm vụ thúc đẩy hoạt động đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đại học và hợp tác với các tổ chức trong khu vực và quốc tế vì lợi ích chung của cộng đồng ASEAN. Quản lý chất lượng đào tạo GV theo tiếp cận AUN-QA là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch nhằm thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, kế hoạch đào tạo, nội dung chương trình đào tạo (CTĐT), kiểm tra, đánh giá, các điều kiện đảm bảo để nhằm quản lý chất lượng đào tạo GV tiếp cận chuẩn AUN-QA (Phan Huy Hùng, 2005; Phan Hùng Thu, 2019).

Quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo AUN-QA là một cách tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế về đảm bảo chất lượng và phù hợp với trình độ các trường đại học Việt Nam vì đó là lựa chọn tốt nhất với các chuẩn mực quốc tế tối thiểu. Đây là giải pháp cần thiết để các cơ sở giáo dục có đào tạo GVTH khắc phục những hạn chế, yếu kém, tận dụng được cơ hội, vượt qua khó khăn, thách thức đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH (Thanh, 2020).

Trong quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA tại cấp CTĐT phiên bản 3 có 11 tiêu chuẩn, bao gồm: (1) Kết quả học tập mong đợi; (2) Mô tả CTĐT; (3) Cấu trúc và nội dung CTĐT; (4) Phương thức dạy và học; (5) Kiểm tra, đánh giá; (6) Chất lượng giảng viên; (7) Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; (8) Chất lượng SV và các hoạt động hỗ trợ SV; (9) Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị; (10) Nâng cao chất lượng; (11) Đầu ra (AUN, 2016). Tuy nhiên, căn cứ vào thực tiễn dạy học của Việt Nam; Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đặc điểm, năng lực của SV ngành GVTH ở Việt Nam, bài báo chỉ tiếp cận 6 tiêu chí cơ bản để nghiên cứu.

### 2.1.2. Cơ sở thực tiễn

Để có cơ sở thực tiễn cho đề xuất giải pháp, chúng tôi đã nghiên cứu thực trạng quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA. Cụ thể như sau:

#### 2.1.2.1. Phương pháp khảo sát thực trạng

- *Mục đích, nội dung khảo sát*: Nghiên cứu này tiến hành với mục đích phân tích và đánh giá thực trạng quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA tại một số cơ sở đào tạo GVTH trên 3 khía cạnh sau: Quản lý chất lượng đầu vào, Quản lý chất lượng quá trình và Quản lý chất lượng đầu ra.

- *Quy mô mẫu*: 150 phiếu điều tra được sử dụng cho giảng viên và CBQL trường/khoa đại học sư phạm, gồm: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Hà Tĩnh, Trường Đại học Quảng Bình; 300 phiếu hỏi dành cho SV chưa tốt nghiệp và cựu SV đang công tác tại các trường tiểu học; 150 phiếu hỏi cho CBQL, GV tại các trường tiểu học. Tổng mẫu là: 600.

- *Cách thực hiện và phương pháp xử lý kết quả khảo sát*:

+ *Phương pháp thống kê toán học*: Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng các thống kê mô tả và suy diễn để phân tích kết quả khảo sát, tính toán độ tin cậy của kết quả khảo sát.

*Cách chọn mẫu*: Đối với CBQL và giảng viên giảng dạy ngành Giáo dục tiểu học: phát toàn bộ. Đối với đối tượng là cựu SV và SV: phát 300 phiếu cho 5 trường, mỗi trường 60 phiếu, trong đó 40 SV (mỗi lớp lấy 10 SV ngẫu nhiên bằng hình thức bốc thăm) và 20 cựu SV (chọn mỗi trường tiểu học 4 cựu SV ngẫu nhiên).

Số liệu thứ cấp được thu thập từ bảng câu hỏi khảo sát 5 mức độ theo thang đo Likert được thu thập trong giai đoạn 2021-2022 tại các trường/khoa sư phạm và các trường tiểu học trên địa bàn 5 tỉnh và thành phố được xử lý bằng cách tính ra điểm trung bình (ĐTB).

+ *Phương pháp phân tích dữ liệu*: Số liệu sau khi được làm sạch và mã hoá sẽ được xử lý kết quả bằng phần mềm SPSS 22.0.

- *Độ tin cậy của công cụ đánh giá*: Việc đánh giá sơ bộ thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha nhằm đảm bảo độ tin cậy của thang đo khi áp dụng trong thực tế. Dữ liệu khảo sát cho thấy, bảng hỏi có độ tin cậy cao, hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,709. Theo nghiên cứu của Slater (1995), Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2011), thang đo tốt khi có giá trị từ 0,70 đến 0,95; do đó, thang đo trong nghiên cứu được đánh giá là tốt. Kết quả thống kê độ tin cậy của 06 nhân tố thành phần đo lường quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA xác định mức độ tin cậy của dữ liệu. Mỗi nhân tố thành phần với 4-11 chỉ báo đều đạt độ tin cậy Cronbach's Alpha từ 0,60 hoặc lớn hơn. Bên cạnh đó, phân tích tương quan kết quả câu trả lời từng câu hỏi với kết quả chung của cấu trúc cũng không phát hiện bất cứ câu hỏi nào cần loại bỏ nhằm đảm bảo độ tin cậy của công cụ, có thể khẳng định

về mặt thống kê. Tóm lại, với việc xây dựng bảng hỏi khảo sát dựa trên cơ sở khoa học về các thành phần cấu thành quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA đảm bảo yêu cầu về nội dung, hình thức, dữ liệu điều tra có độ tin cậy khá tốt.

### 2.1.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

Kết quả khảo sát thu được ở bảng 1:

*Bảng 1. Đánh giá thực trạng quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA*

Nội dung quản lý	Tiêu chí đánh giá	Số chỉ báo	ĐTB
Quản lý đầu vào	Quản lý xây dựng chuẩn đầu ra (kết quả mong đợi)	4	3,51
	Quản lý phát triển chuyên môn của cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ	11	3,93
	Quản lý các điều kiện đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng đào tạo GVTH	4	3,81
Quản lý quá trình đào tạo	Quản lý nội dung CTĐT	4	3,94
	Quản lý chất lượng hoạt động dạy học	7	3,95
	Quản lý chất lượng SV và các hoạt động hỗ trợ	8	3,84
Quản lý đầu ra		5	3,86

- *Thực trạng quản lý chất lượng đầu vào*: Chúng tôi đã thu thập số liệu, khảo sát về công tác quản lý chất lượng đầu vào về các mặt như: chất lượng giảng viên, cán bộ của Khoa, cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ giảng dạy và học tập.

+ *Quản lý xây dựng chuẩn đầu ra (kết quả mong đợi)*: Ở nhân tố Quản lý xây dựng chuẩn đầu ra theo tiếp cận AUN-QA, có 02/04 nội dung đạt ĐTB > 3,5. Nhân tố này có ĐTB = 3,51, là nhân tố có giá trị trung bình được đánh giá thấp nhất trong các nhân tố đánh giá thực trạng quản lý chất lượng đào tạo GVTH.

+ *Quản lý phát triển chuyên môn của giảng viên và cán bộ hỗ trợ*: Kết quả đánh giá nhân tố quản lý và phát triển chuyên môn của giảng viên và cán bộ hỗ trợ CTĐT GVTH dưới góc độ đánh giá của nhóm CBQL và Nhà tuyển dụng có ĐTB = 3,93 và có 11 chỉ báo. Tổng 11 tiêu chí đánh giá đều có ĐTB > 3,5.

+ *Quản lý các điều kiện đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng GVTH*: Nội dung quản lý các điều kiện đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng đào tạo GVTH có ĐTB = 3,81. Nội dung này không được đánh giá cao, trong đó tiêu chí được đánh giá thấp nhất là “Quản lý các phòng thí nghiệm và trang thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu”.

- *Thực trạng quản lý chất lượng quá trình đào tạo*

+ *Quản lý nội dung CTĐT*: Để đánh giá thực trạng quản lý nội dung CTĐT GVTH theo tiếp cận AUN-QA, tác giả đã đánh giá các mặt: (1) Thông tin cung cấp trong bản mô tả CTĐT đầy đủ và cập nhật; (2) Quản lý việc công khai CTĐT để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận; (3) CTĐT được thiết kế dựa trên nguyên tắc đảm bảo “trọng tâm có định hướng” với kết quả học tập mong đợi; (4) Mức độ đóng góp của mỗi môn học vào việc đạt được kết quả học tập mong đợi được xác định rõ ràng.

Theo kết quả từ bảng 1, ĐTB ở nội dung này là 3,94. Trong đó, có 2/3 tiêu chí có ĐTB > 4,0 và 4/5 tiêu chí có ĐTB > 3,5. Đây là một nội dung được đánh giá khá cao trong quản lý chất lượng đào tạo GVTH.

+ *Quản lý chất lượng hoạt động dạy học*: Nội dung này có ĐTB = 3,95, là nhân tố được đánh giá cao nhất trong 7 nhân tố. Có 6 tiêu chí đo lường, đánh giá nội dung này. Kết quả xử lý cho thấy, có 3/6 mục đo có ĐTB > 4,0 và các mục đều có ĐTB > 3,5.

+ *Quản lý chất lượng SV và các hoạt động hỗ trợ*: Để đánh giá thực trạng việc quản lý chất lượng SV và các hoạt động hỗ trợ đạt mức độ nào, tác giả đã sử dụng 8 tiêu chí đo lường. Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, ĐTB nội dung này là 3,84. Nhìn chung, quản lý chất lượng SV và các hoạt động hỗ trợ được đánh giá không cao. Ý kiến đánh giá mức độ 1 - 2 (thấp) chiếm 0,28%, ý kiến chọn mức độ 4 - 5 (cao) chiếm 76,8% và ý kiến chọn mức độ 3 (không ý kiến) chiếm 22,9%.

- *Quản lý chất lượng đầu ra (Chất lượng của SV tốt nghiệp)*: Bảng 1 cho thấy, đối tượng khảo sát đánh giá ở mức độ khá tốt về hoạt động quản lý đầu ra, cụ thể là quản lý tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thực hiện đối sánh để cải tiến chất lượng, quản lý thời gian tốt nghiệp trung bình của SV, quản lý tỉ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, tiến hành lấy ý kiến cựu SV và nhà sử dụng lao động về chất lượng SV tốt nghiệp.

### 2.1.2.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý chất lượng đào tạo giáo viên tiểu học theo tiếp cận AUN-QA

- *Kết quả đạt được*: Trong những năm gần đây, các trường/khoa đại học sư phạm đã thực hiện công tác quản lý chất lượng đào tạo GVTH một cách có hệ thống trên cả 3 khía cạnh: Chất lượng đầu vào, chất lượng quá trình và chất lượng đầu ra. Ở mỗi khía cạnh, các nhà trường đã thực hiện việc đánh giá và quản lý khá đầy đủ các tiêu chí so

với mô hình AUN-QA. Công tác quản lý cơ sở vật chất đã được thực hiện tốt về các mặt quản lý trang thiết bị dạy học, thư viện hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục và nghiên cứu. Việc quản lý CTĐT, hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá SV đã được các nhà trường thực hiện có định hướng nhằm đạt được kết quả học tập như mong đợi. Ngoài ra, để cải thiện CTĐT các vấn đề liên quan đến chất lượng đầu ra cũng được, các nhà trường theo dõi, đánh giá như chất lượng SV tốt nghiệp và phản hồi của các bên liên quan. Để quản lý chất lượng đầu ra, nhà trường đã thực hiện đa dạng nhiều phương pháp như khảo sát, bảng hỏi, điều tra theo vết, trao đổi nhóm, đối thoại...

- *Tồn tại, hạn chế:* Nhận thức về tầm quan trọng của quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA chưa cao; Công tác quản lý chất lượng đầu vào chưa hiệu quả như quản lý nâng cao chất lượng giảng viên và cán bộ hỗ trợ, các hoạt động nghiên cứu theo tiếp cận AUN-QA. Các điều kiện đảm bảo hiệu quả cho công tác quản lý chất lượng đào tạo GV như: phòng thí nghiệm và trang thiết bị chưa được cập nhật đầy đủ để hỗ trợ hoạt động giáo dục và nghiên cứu, đào tạo kỹ năng mềm cho SV chưa được chú trọng khi thiết kế và xây dựng CTĐT. Vì vậy, SV ra trường vẫn thiếu những kỹ năng thích ứng trong thực tế như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề. Hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá SV đối với từng học phần chưa được giám sát và đánh giá chặt chẽ. Các kết quả đánh giá hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá SV chưa được sử dụng triệt để để điều chỉnh, cập nhật CTĐT. Công tác quản lý nâng cao chất lượng đầu ra SV còn nhiều hạn chế. Các nhà trường chưa có cơ chế đánh giá định kỳ chất lượng đầu ra về các mặt chất lượng SV tốt nghiệp, khả năng được tuyển dụng của họ và sự hài lòng của nhà tuyển dụng.

## **2.2. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng đào tạo giáo viên tiểu học theo chuẩn AUN-QA**

### **2.2.1. Cải tiến quản lý chất lượng chương trình đào tạo giáo viên tiểu học theo tiếp cận AUN-QA**

- *Mục tiêu của giải pháp:* Hướng tới đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA thông qua việc thiết kế nội dung CTĐT phù hợp với chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu xã hội; bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT; làm cơ sở cho người học lựa chọn CTĐT và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

- *Ý nghĩa của giải pháp:* + Xây dựng CTĐT trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra để thiết kế nội dung CTĐT và kế hoạch đào tạo nhằm đáp ứng chất lượng nhân lực GVTH theo nhu cầu xã hội; + Cải tiến CTĐT đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của QUN-QA; + Tạo ra sự chuyển biến về đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo GVTH ở các trường/khoa đại học sư phạm, đưa CTĐT GV tiếp cận với CTĐT tiên tiến trên thế giới.

- *Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp:* Khi thiết kế CTĐT, các trường cần thực hiện theo tiếp cận AUN-QA gồm các nội dung cơ bản sau đây: + Mục tiêu đào tạo phải phản ánh hoặc xuất phát từ sứ mệnh, tầm nhìn hay mục tiêu phát triển dài hạn của nhà trường; + Phải phù hợp với đòi hỏi và nhu cầu của các đối tượng liên quan (SV, CBQL, giảng viên, đơn vị sử dụng lao động, cựu SV...); + Phải chỉ rõ sự cân bằng giữa nội dung kiến thức chuyên môn, kiến thức chung và các kỹ năng. Chương trình cần được thiết kế theo cách gây hứng thú cho SV để thu hút nhiều ứng viên tham gia, theo các chủ đề được tích hợp và tăng cường thêm các học phần tự chọn khác; + Cần nêu rõ các năng lực của người tốt nghiệp. Mỗi học phần nên được thiết kế và chỉ ra kết quả đạt được một cách rõ ràng. Để có được điều này cần xây dựng một bản đồ ma trận kiến thức, kỹ năng hay biểu đồ điểm số; + Cấu trúc CTĐT cần chỉ ra được phạm vi, chiều sâu, sự gắn kết và tổ chức các học phần, hiển thị rõ các học phần cơ bản, các học phần trung gian, bổ trợ, chuyên ngành, chuyên sâu, đồ án và luận văn tốt nghiệp; + CTĐT nên được xem xét định kỳ và đánh giá hiệu quả của nó. Công tác điều chỉnh nên thực hiện sau khoảng thời gian hợp lý (khóa học); + CTĐT nên cung cấp cho SV tốt nghiệp khả năng nghiên cứu, phát triển nhân cách, thái độ học tập và đủ năng lực trong lĩnh vực nghiên cứu của mình. SV tốt nghiệp cũng cần phải có các kỹ năng liên quan, kỹ năng tổ chức điều hành và nên hướng vào thị trường việc làm và có thể phát triển sự nghiệp của mình.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* + Lãnh đạo các trường đại học sư phạm phải hoàn toàn ủng hộ việc phát triển CTĐT theo tiếp cận AUN-QA, tạo điều kiện tiếp cận các thông tin liên quan đến hệ thống đảm bảo chất lượng theo AUN-QA; tiến hành kiểm tra, giám sát thường xuyên việc phát triển CTĐT theo tiếp cận AUN-QA; + Được mọi thành viên trong trường đồng thuận, tích cực tham gia hoạt động phát triển CTĐT theo tiếp cận AUN-QA; + Tăng cường vai trò của các bên liên quan trong quản lý phát triển CTĐT đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA.

### **2.2.2. Đổi mới quản lý chất lượng học tập và các dịch vụ hỗ trợ học tập của sinh viên**

- *Mục tiêu của giải pháp:* + Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn thể cán bộ giảng viên trong các hoạt động hỗ trợ SV; + Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, có chiều sâu giữa các phòng, ban chức năng và khoa/viện nhằm nâng cao chất lượng học tập và các dịch vụ hỗ trợ SV.

- *Ý nghĩa của giải pháp:* + Tăng hiệu quả học tập của SV, cải thiện kết quả học tập; + Tạo điều kiện cho SV phát triển các kỹ năng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng cường sức khỏe thể chất, cũng như mang đến những kinh nghiệm bổ ích và quý giá cho cuộc sống sau này.

- *Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp:* (1) *Nâng cao chất lượng học tập:* Tổ chức các buổi tư vấn cho SV hiểu về các đặc điểm kỹ thuật của CTĐT, đơn vị sử dụng lao động nói chuyện về năng lực SV tốt nghiệp để tạo động lực thúc đẩy SV yêu nghề, tự nguyện tham gia vào học tập, tạo nên học tập có chất lượng. Ứng với chiến lược giảng dạy của giảng viên sẽ tạo ra phương pháp học tập của SV. Thiết lập môi trường học tập phù hợp cho người trưởng thành thoải mái, hỗ trợ, hợp tác và không gò bó, môi trường luôn học hỏi và thiết lập hệ thống kiểm soát học tập; (2) *Hoàn thiện công tác tổ chức tư vấn học tập:* Thiết lập các kênh tư vấn học tập phù hợp với hoàn cảnh từng trường: Diễn đàn học tập; Email hay hotline do khoa hay nhà trường thiết lập để thu thập cũng như giải quyết nhanh chóng các ý kiến khiếu nại kịp thời để tránh lây lan các ý kiến không tốt trong SV; Tổ chức cố vấn học tập; Tổ chức giảng viên trực tư vấn tại khoa... Tất cả các kênh tư vấn đều phải xây dựng quy trình, tiêu chuẩn, chỉ số thực hiện. Có phân công trách nhiệm rõ ràng, giám sát thường xuyên, đánh giá định kỳ để cải tiến hoàn thiện; (3) *Dịch vụ tư vấn hỗ trợ học tập:* Bên cạnh tư vấn học tập, các trường/khoa đại học sư phạm cần tổ chức các dịch vụ hỗ trợ học tập: dịch vụ thư viện (cung cấp tài liệu); dịch vụ cung cấp phương tiện và phòng tự học; dịch vụ đào tạo, đánh giá (thi cử) theo yêu cầu của SV... Cần thực hiện các tư vấn khác như: tư vấn tâm lý, sức khỏe, tình yêu, tổ chức các cuộc họp giải đáp các thắc mắc, các yêu cầu chính đáng cho SV... Tư vấn giới thiệu việc làm bán thời gian, tư vấn nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Xây dựng môi trường học tập an toàn, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Thành lập các câu lạc bộ để tạo môi trường, nơi sinh hoạt cho SV. Tổ chức các chương trình thi đua, văn thể mỹ... để lôi cuốn SV tham gia.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* + Hiệu trưởng các trường đại học/khoa sư phạm cần chỉ đạo xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức, trình độ cho giảng viên làm công tác cố vấn học tập, cán bộ phụ trách Đoàn, Hội và các thành viên trong nhà trường để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ cho SV; + CBQL cần gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện xây dựng và đổi mới văn hóa tiếp xúc và hỗ trợ SV.

### 2.2.3. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý về đào tạo giáo viên tiểu học theo tiếp cận AUN-QA

- *Mục tiêu của giải pháp:* Phát triển được đội ngũ CBQL và giảng viên các trường/khoa sư phạm có đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chuẩn hóa về trình độ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội CBQL đủ đức, đủ tài, đủ phẩm chất năng lực và đạo đức nghề nghiệp phục vụ đắc lực cho công tác quản lý đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA.

- *Ý nghĩa của giải pháp:* + Đảm bảo đội ngũ giảng viên đáp ứng các yêu cầu của quá trình dạy học theo tiếp cận AUN-QA; + Đảm bảo phát triển kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ giảng viên; + Tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên có cơ hội hợp tác, giao lưu, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm nghề nghiệp. Bên cạnh đó còn có cơ hội tiếp xúc, học hỏi kinh nghiệm đào tạo tiên tiến trên thế giới.

- *Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp:* Đội ngũ CBQL, giảng viên đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, khi phát triển đội ngũ này, các trường/khoa đại học sư phạm cần chú ý quy hoạch có đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chuẩn hóa về trình độ. Theo hướng dẫn của AUN-QA, phát triển đội ngũ CBQL, giảng viên được thể hiện như sau: + *Thiết lập đội ngũ giảng viên:* Quy hoạch và tuyển chọn đội ngũ giảng viên đủ để cung cấp cho chiến lược giảng dạy trong CTĐT và phù hợp về cơ cấu trình độ, kinh nghiệm, khả năng, tuổi,... Có đầy đủ các hỗ trợ viên tại các thư viện, phòng thí nghiệm, quản lý và các dịch vụ SV đáp ứng theo các tiêu chuẩn AUN-QA; + *Đối với đội ngũ quản lý:* Cần đẩy mạnh công tác bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý dựa trên khung năng lực của vị trí việc làm. Cần có chương trình bồi dưỡng dành cho các đối tượng như: Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa (có đào tạo GVTH) và người được quy hoạch vào chức danh này; lãnh đạo bộ môn và người được quy hoạch vào chức danh này. Khung chương trình cho chức danh lãnh đạo trường đại học sư phạm và Khoa/Bộ môn giảng dạy ngành Giáo dục tiểu học cần ưu tiên năng lực quản trị và điều hành trường đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ngoài ra, cần quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nhà khoa học nòng cốt thực hiện CTĐT GVTH, phải đầu tư để xây dựng đội ngũ CBQL, cán bộ khoa học đầu đàn, đầu ngành để ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng trở thành lực lượng nòng cốt trong hoạt động quản lý CTĐT; + *Quản lý đội ngũ giảng viên:* Tuyển dụng và đề bạt giảng viên dựa trên đạo đức và hệ thống đóng góp thành tích trong giảng dạy, nghiên cứu và dịch vụ; xác định, hiểu rõ vai trò và mối quan hệ của các thành viên trong đội ngũ giảng viên; giao nhiệm vụ phải phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và năng lực; quản lý giờ làm việc và triển khai hệ thống khuyến khích để nâng cao chất lượng dạy và học; xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giảng viên dựa trên nguyện vọng cá nhân, chương trình giảng dạy và yêu cầu khác của nhà trường; + *Đào tạo giảng viên có đủ năng lực:* Đội ngũ giảng viên được khuyến khích tham gia học hỏi. Thông qua việc học hỏi, giảng viên nâng cao kiến thức,

kinh nghiệm bằng cách làm việc với nhau trên các vấn đề thực tế và trao đổi kinh nghiệm riêng của mình. Một chương trình hỗ trợ học hỏi sẽ nâng cao được khả năng của giảng viên và kết quả học tập của SV.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* + Cần có sự quyết tâm của lãnh đạo Nhà trường, sự đồng tình của mọi thành viên; + Có ngân sách để thực hiện cải tiến đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ; + Có sự tích cực tham gia hưởng ứng của mọi thành viên trong trường.

#### 2.2.4. Tăng cường quản lý các điều kiện đảm bảo hiệu quả quản lý chất lượng đào tạo giáo viên tiểu học theo tiếp cận AUN-QA

- *Mục tiêu của giải pháp:* Nhằm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động dạy và học tại Nhà trường.

- *Ý nghĩa của giải pháp:* + Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy và học của nhà trường; + Phát triển hệ thống thư viện và tài liệu học tập hiện đại, phong phú.

- *Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp:* + Quy hoạch tổng thể mặt bằng nhà trường đại học đảm bảo diện tích tối thiểu cho các hạng mục chức năng, như: giảng đường, phòng học lý thuyết, phòng thực hành máy tính, ngoại ngữ, khu làm việc cho giảng viên, khu tự học cho SV, thư viện và các công trình hỗ trợ khác... Việc quy hoạch cần đáp ứng các tiêu chuẩn: giao thông, diện tích từng hạng mục; thuận tiện cho việc cung cấp điện, cấp, thoát nước, phòng cháy chữa cháy, an ninh và môi trường...; + Bố trí máy móc, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm thực hành theo tiến trình thực hành đảm bảo có đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng...; + Có kế hoạch phân thời khóa biểu sử dụng phòng học hợp lý để nâng cao khả năng khai thác; tránh được hiện tượng lúc thiếu, lúc thừa phòng học lý thuyết và trang thiết bị thực hành; + Làm việc với các cấp như Bộ GD-ĐT, UBND tỉnh - nơi trường đóng để xin quy hoạch mặt bằng là cơ sở phát triển nhà trường trong những năm đến; + Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư hoặc thuê mượn cơ sở vật chất đáp ứng giảng dạy hàng năm, đồng thời hoàn thiện chiến lược đầu tư phát triển cơ sở vật chất dài hạn; + Tăng cường quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao hiệu quả sử dụng, cụ thể: Cần ban hành quy định, quy trình quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị ở những khâu như mua sắm, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa... và tổ chức truyền thông và hướng dẫn và phân công trách nhiệm thực hiện đến tất cả đối tượng liên quan; ban hành các tài liệu hướng dẫn sử dụng; tổ chức cho SV thuê, mượn ngoài giờ, khai thác tối đa nguồn lực đã đầu tư...; + Thư viện, tài liệu học tập: Nhằm đáp ứng tối thiểu về tài liệu học tập cho SV theo chuẩn AUN-QA các trường/khoa đại học sư phạm ngoài đáp ứng tài liệu theo quy định, cần số hóa các tài liệu học tập tối thiểu thành các file tin học, tạo dữ liệu trong đĩa CD để cung cấp cho SV ngay từ đầu khóa học hoặc đăng tải tại website của nhà trường để SV thuận tiện trong việc sử dụng; + Đáp ứng nguồn lực tài chính cho đầu tư: Cần quy hoạch nguồn tài chính, lựa chọn thứ tự ưu tiên, tập trung đầu tư vào những hạng mục trọng điểm, tạo thế mạnh phát triển riêng cho nhà trường. Tăng cường liên kết với các đơn vị bên ngoài để tận dụng các năng lực sẵn có về máy móc, thiết bị công nghệ và đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* + Các trường đại học/ khoa sư phạm phải xây dựng được các văn bản quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và cơ sở dữ liệu và nguồn học liệu điện tử; có kế hoạch đầu tư tài chính để xây dựng thư viện điện tử; + Đội ngũ CBQL, giảng viên phải tâm huyết, trách nhiệm và có năng lực trong khai thác, sử dụng thiết bị dạy học và thiết kế nguồn học liệu điện tử.

#### 2.2.5. Cải tiến quản lý nâng cao chất lượng đánh giá sinh viên theo tiếp cận AUN-QA

- *Mục tiêu của giải pháp:* + Cải tiến các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV: + Đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả học tập; + Nâng cao chất lượng giảng dạy.

- *Ý nghĩa của giải pháp:* + Giúp SV phát triển những kỹ năng, năng lực gắn liền với thực tiễn cuộc sống; + Giúp SV thể hiện tốt năng lực của bản thân, tự tin trong công việc.

- *Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp:*

(1) *Nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:* + Áp dụng nhiều hình thức thi kiểm tra một cách linh hoạt phù hợp, như: thi viết, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm... vì mỗi hình thức có những ưu, nhược điểm riêng; + Nội dung thi phải đảm bảo toàn diện, gắn lý luận với thực tiễn, tránh tình trạng tái hiện đơn thuần lý thuyết và thiếu tính vận dụng sáng tạo...; + Tùy từng môn học, có thể áp dụng kết cấu đánh giá: Bao nhiêu % cho đánh giá giữa kỳ, bao nhiêu % cho đánh giá kết thúc môn học... cho phù hợp nhằm đảm bảo tính chính xác, tính toàn diện và tính động viên thi đua; + Tránh tình trạng chạy theo thành tích mà vượt rào các quy chế, nội quy thi và kiểm tra, làm ảnh hưởng đến sản phẩm đào tạo, ảnh hưởng đến thương hiệu mà Trường đang cố gắng tạo dựng.

(2) *Tổ chức đánh giá SV:* + Đánh giá việc nhập học của tân SV bằng kết quả đầu vào: Do CTĐT được nâng chuẩn chất lượng đầu ra thường xuyên đã đòi hỏi năng lực đầu vào cao hơn trước. Khi ra đề thi, đảm bảo đánh giá

và chỉ rõ SV có đủ năng lực để tham gia học tập. Các SV không đủ năng lực cần có những khóa đào tạo để có thể theo kịp chương trình; + Đánh giá sự tiến bộ trong học tập của SV thông qua một ma trận điểm số hay biểu đồ năng lực học tập của SV được thiết kế dựa trên kết quả đầu ra ghi trong CTĐT. Có thể thực hiện khi kết thúc module hoặc theo các học phần; + Đánh giá bài thi cuối khóa/tốt nghiệp của SV: Khi lựa chọn hình thức đánh giá, các trường xây dựng bảng danh mục kiểm tra năng lực SV tốt nghiệp (Graduate Competency Check-List) hoặc bằng một kì, kiểm tra tích hợp và toàn diện để chỉ rõ được kiến thức, năng lực và ý thức của SV tốt nghiệp; + Hoàn thiện khâu đánh giá học phần: Lựa chọn các hình thức đánh giá dựa trên nguyên tắc phù hợp với người trưởng thành. Xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí cho từng học phần. Các tiêu chuẩn này cũng chỉ rõ mức độ như thế nào là trên chuẩn, đạt chuẩn và dưới chuẩn. Nên sử dụng kết hợp đánh giá của các đối tượng: chuyên gia, SV và giảng viên; + Kế hoạch thi phải được công bố sớm và phải có thời gian để ôn giữa các học phần. Tổ chức coi thi công bằng nghiêm túc, thể hiện đánh giá đúng năng lực của SV. Lấy kết quả đánh giá để phản hồi, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên, các dịch vụ hỗ trợ học tập của SV.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp*: + Phải giải quyết được mâu thuẫn giữa lợi nhuận của nhà đầu tư và lợi ích của nhà trường giáo dục để cả hai đều có chung mục đích lâu dài; + Tất cả mọi người cùng cam kết, tham gia tạo nên chất lượng. Các nhà quản lý các cấp cần học hỏi kinh nghiệm để tránh chi phí do sai lầm.

### 3. Kết luận

Quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA là mục tiêu mà nhiều trường đại học tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á cần hướng tới nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nghiên cứu đã xây dựng một số khái niệm làm cơ sở lý luận cho điều tra thực trạng. Kết quả khảo sát thực trạng đã chỉ ra những mặt đạt được cũng như tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA tại các trường/khoa đại học sư phạm hiện nay. Trên cơ sở đó, các giải pháp đã được đề xuất nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động quản lý chất lượng đào tạo GVTH theo tiếp cận AUN-QA tại một số trường/khoa đại học sư phạm ở Việt Nam, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên - yếu tố quyết định trong sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT ở nước ta hiện nay. Để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý chất lượng đào tạo GVTH của các trường/khoa sư phạm theo tiếp cận AUN-QA, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp mà nghiên cứu đã đề xuất.

### Tài liệu tham khảo

- AUN (2016). *Guide to AUN-QA Assessment at Institutional Level* (version 3.0).
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang (2011). *Nghiên cứu khoa học marketing - Ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM*. NXB Lao động - Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006). *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Lê Cường (2016). *Giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường/khoa đại học sư phạm*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Vinh.
- Phan Hùng Thư (2019). *Quản lý chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận AUN-QA*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Phan Huy Hùng (2005). Quản lý chương trình đào tạo cơ sở đảm bảo cơ chế tự chủ và chất lượng giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 03, 148-156.
- Slater, S. F. (1995). Issues in conducting marketing strategy research. *Journal of Strategic Marketing*, 3(4), 257-270.
- Thanh, V. K. (2020). *Study of renovation in competency-based curriculum management of primary education sector at Quangbinh University*. The 1st International Conference on Education: Innovation and Development for Classrooms in the 21st Century. Udon Thani, Thailand, 295-300.